

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/DS-PT  
Ngày 18-3-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Mộng Tuyết  
*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Trung Dũng  
Bà Trần Thị Thanh Trúc.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2021/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2020/DS-ST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 57/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1959; địa chỉ: Số A, đường Đ, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Hồng T, sinh năm 1976 và ông Lê Văn K, sinh năm 1972; cùng hộ khẩu thường trú tại: Số B, khóm 7, phường 5, thành phố B, tỉnh B; cùng địa chỉ cư trú: Số A, đường N, tổ a, khu phố 6, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của các bị đơn:* Ông Bùi Tấn Đ, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ a, khu phố C, phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 16/7/2020), có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Phạm Hồng T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

Do có quan hệ quen biết với vợ chồng bị đơn nên nguyên đơn có cho bị đơn vay tiền 02 (hai) lần cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Do nhu cầu sang nhượng lại quán cà phê nên các bị đơn có hỏi vay của nguyên đơn số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Nguyên đơn đồng ý cho các bị đơn vay số tiền trên nên hai bên có lập “Giấy vay tiền mặt” ngày 10/4/2019. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Việc trả nợ gốc và lãi vào ngày 15 hàng tháng. Khi vay tiền để làm tin bị đơn giao cho nguyên đơn 03 (ba) văn bản là bản chính gồm: *Hợp đồng thuê quán ngày 10/10/2018*, giữa ông Phạm Văn M và bà Vương Tuyết L; *Giấy chuyển nhượng “Hợp đồng kinh doanh mặt bằng kinh doanh quán cà phê số a, N, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương”* giữa bà Vương Tuyết L và bà Phạm Hồng T; *Giấy chuyển nhượng “Hợp đồng kinh doanh mặt bằng kinh doanh quán cà phê số a - N, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương”* giữa ông Nguyễn Văn M và bà Vương Tuyết L.

- Lần thứ hai: Vào ngày 15/5/2019, nguyên đơn tiếp tục cho các bị đơn vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), thời hạn vay là 06 tháng. Việc vay tiền này các bên lập bằng văn bản “Giấy cam kết”. Nội dung thỏa thuận các bên không thể hiện lãi suất. Tuy nhiên nguyên đơn thừa nhận lãi suất cho vay vẫn là 3%/tháng nhưng không ghi vào trong văn bản.

Quá trình các bên thực hiện việc trả nợ như sau:

- Đối với khoản vay lần thứ nhất: Theo như thỏa thuận mỗi tháng tiền lãi là 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Các bị đơn đã trả lãi 09 tháng với tổng số tiền là 40.500.000 đồng (bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

- Đối với khoản vay lần thứ hai. Tổng số tiền lãi nguyên đơn nhận của các bị đơn 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Ngày 19/5/2020, nguyên đơn và các bị đơn thỏa thuận sẽ không tính lãi suất đối với cả hai khoản vay mà chỉ trả tiền nợ gốc, mỗi ngày bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) đến khi trả hết số nợ trên. Việc thỏa thuận này không lập thành văn bản. Từ ngày 20/5/2020 đến ngày 12/6/2020, bị đơn chỉ trả được 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bị đơn không thực hiện.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi. Đối với số tiền lãi đã yêu cầu theo đơn khởi kiện là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi trên.

- Bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn thống nhất trình bày: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về số lần vay tiền, hình thức và tổng số tiền vay. Về thỏa thuận lãi suất lần vay tiền thứ nhất theo thỏa thuận là 3%/ tháng. Đối với lãi suất tại lần vay thứ hai các bên không thỏa thuận bằng trong văn bản nhưng có thỏa thuận bằng lời nói là 7%/tháng.

Về quá trình thực hiện hợp đồng: Đối với khoản vay lần thứ nhất các bị đơn đã thanh toán tiền lãi từ tháng 5/2019 đến tháng 4/2020 mỗi tháng 3%. Việc giao tiền lãi không lập thành văn bản. Đối với khoản vay lần thứ hai, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn với lãi suất 7%/tháng. Tổng số tiền lãi đã thanh toán cho cả hai khoản vay là 60.500.000 đồng (sáu mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Đến ngày 19/5/2020, các bên thống nhất thỏa thuận bằng lời nói, bị đơn sẽ trả tiền gốc cho nguyên đơn số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) mỗi ngày và không yêu cầu tính lãi, ngày nào bị đơn không bán quán sẽ không phải trả. Đây là thỏa thuận mới của các bên bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn đến ngày 12/6/2020 là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Thỏa thuận ngày 19/5/2020, giữa các bên là thỏa thuận mới. Do bị đơn không kinh doanh nên không trả theo cam kết. Nguyên đơn không thông báo cho bị đơn việc yêu cầu trả nợ nên việc khởi kiện của nguyên đơn là chưa đủ điều kiện khởi kiện. Do lãi suất của nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận vượt quá lãi suất mà Bộ luật Dân sự quy định. Vì vậy đề nghị Tòa án khấu trừ phần lãi suất vượt quá và số tiền nợ gốc.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2020/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H đối với các bị đơn bà Phạm Hồng T và ông Lê Văn K về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

- Buộc bà Phạm Hồng T và ông Lê Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền nợ gốc là 163.791.600 đồng (một trăm sáu ba triệu bảy trăm chín mươi một nghìn sáu trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ giao trả cho bà Phạm Hồng T và ông Lê Văn K 03 (ba) văn bản là bản chính gồm: *Hợp đồng thuê quán ngày 10/10/2018 giữa ông Phạm Văn M và bà Vương Tuyết L; Giấy chuyển nhượng “Hợp đồng kinh doanh mặt bằng kinh doanh quán cà phê số a, N, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương” giữa bà Vương Tuyết L và bà Phạm Hồng T; Giấy chuyển nhượng “Hợp đồng kinh doanh mặt bằng kinh doanh quán cà phê số a- N, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương” giữa ông Nguyễn Văn M và bà V”.*

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H đối với các bị đơn bà Phạm Hồng T và ông Lê Văn K đối với khoản tiền lãi là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 25/8/2020, bị đơn bà Phạm Hồng T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 135.300.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người đại diện hợp pháp của bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và cho rằng đã trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 65.000.000 đồng và nguyên đơn còn nợ bị đơn số tiền 15.000.000 đồng tiền thuê nhà, sau khi khấu trừ số tiền trên thì bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền là 135.300.000 đồng. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Bị đơn kháng cáo cho rằng bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc 135.300.000 đồng, tuy nhiên bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn nên kháng cáo của bị đơn bà Thẩm là không có căn cứ chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Phạm Hồng T và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn từ chối người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Xét thấy, đây là ý chí tự định đoạt của đương sự, phù hợp quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[1.2] Quá trình tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về việc trả lãi suất với số tiền 70.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu này là phù hợp khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Phần này không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[2] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người được ủy quyền của các bị đơn đều thống nhất các bị đơn có vay của nguyên đơn 02 lần tiền, lần thứ nhất vay vào ngày 10/4/2019 với số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất vay 3%/tháng; lần thứ hai vào ngày 15/5/2019 với số tiền 30.000.000 đồng. Tổng số tiền bị đơn vay là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng)

nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định của pháp luật tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với kháng cáo của bị đơn bà Phạm Hồng T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Đối với khoản vay lần thứ nhất 150.000.000 đồng: Các bên thống nhất lãi suất là 3%/tháng, tương đương 36%/năm. Lãi suất này vượt quá lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng lãi suất là 20%/năm để tính lãi suất đối với khoản vay này là có căn cứ.

[3.2] Đối với khoản vay lần thứ hai là 30.000.000 đồng: Nguyên đơn cho rằng lãi suất cũng là 3%/tháng. Bị đơn xác định là 7%/tháng. Tại “Giấy cam kết” ngày 19/5/2019, các bên không thỏa thuận về lãi suất nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng lãi suất là 10%/năm là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3.3] Như vậy, theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự thì tiền lãi theo thỏa thuận của các bên không được vượt quá 20%/năm đối với khoản vay thứ nhất và 10% đối với khoản vay thứ hai. Với mức lãi suất trên và thời gian tính lãi cho từng khoản vay đến ngày 19/5/2020 tương đương số tiền lãi đối với cả 02 khoản vay trên theo quy định là 36.291.600 đồng. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thừa nhận tổng số tiền lãi của cả 02 khoản vay đến tháng 2/2020 là 48.500.000 đồng. Bị đơn cho rằng số tiền lãi đã trả 60.500.000 đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ trên sự thừa nhận của nguyên đơn để xác định tổng số tiền lãi nguyên đơn đã nhận là 48.500.000 đồng và xác định số tiền vượt quá theo quy định là 12.208.400 đồng (mười hai triệu hai trăm linh tám nghìn bốn trăm đồng) và khấu trừ số tiền này vào số tiền nợ gốc là có căn cứ.

[3.4] Thỏa thuận của các bên ngày 19/5/2020 là thỏa thuận trả tiền nợ gốc theo ngày và không tính lãi suất trên tổng số tiền vay. Bị đơn không trả theo ngày mà không đưa ra được chứng cứ có sự chấp thuận của nguyên đơn về việc miễn trừ nghĩa vụ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm nhận định nguyên đơn có quyền khởi kiện là phù hợp theo quy định tại Điều 185 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do các bị đơn chỉ thực hiện nghĩa vụ trả nợ từ ngày 19/5/2020 đến ngày 12/6/2020 với số tiền 4.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận mới mà các bên thỏa thuận nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc còn lại là 163.791.600 đồng sau khi đã khấu trừ số tiền vượt quá quy định là 12.208.400 đồng và số tiền gốc 4.000.000 đồng, là có căn cứ.

[4] Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có căn cứ nên kháng cáo của bị đơn đều không được chấp nhận.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp. Do đó, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Hồng T.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2020/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0050326 ngày 26/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS TP. T;
- TAND TP. T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Đinh Thị Mộng Tuyết**